

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2020/DS-ST**

Ngày: 02/7/2020

Về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại
do tài sản bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Bốn.

2. Ông Lê Quang Luân.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/10/2019; 12/6 và 02/7/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2017/TLST - DS, ngày 08/12/2017 về “Kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST - DS, ngày 22/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm:1967; địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện H, tỉnh T (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn P, sinh năm:1971; địa chỉ: Thôn 5 T, xã T, huyện H, tỉnh T (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Ông Nguyễn Thành M - Luật sư văn phòng Luật sư Bùi Lan thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đặng Thị X, sinh năm: 1975; địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện H, tỉnh T (có mặt).

- Bà Phượng Thị L, sinh năm: 1973; địa chỉ: Thôn 5 T, xã T, huyện H, tỉnh T (có mặt).

- Chị Phan Thị N, sinh năm: 1993; địa chỉ: Thôn 5 T, xã T, huyện H, tỉnh T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Anh Triệu Văn P, sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn 5 T, xã T, huyện H, tỉnh T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa - Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Năm 1999, ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phan Văn P, sau đó ông mua 600 cây keo giống Úc, loại keo hạt và thuê người trồng. Do nhà ông Phan Văn P ở gần vườn keo của ông nên ông đã thỏa thuận miệng với ông P là bảo vệ, trông nom vườn keo giúp ông, sau này được thu hoạch thì ông trả tiền công theo thương lượng hai bên chứ không thỏa thuận chia cụ thể cho ông P bao nhiêu phần của giá trị vườn keo. Tuy nhiên, ngày 29/9/2016, ông P đã tự ý khai thác gỗ keo mà không được sự đồng ý của ông. Ông đã báo cáo chính quyền đền lập biên bản, sau đó vào ngày 10/5/2017, ông P tiếp tục thuê người đến khai thác gỗ keo và bị lập biên bản lần 2. Ông xác định số cây keo bị chết, hư hỏng do thiên tai, do khách quan từ khi trồng đến nay chỉ khoảng 10 cây, còn lại đều là do ông P tự ý khai thác gây thiệt hại về kinh tế cho gia đình ông nên ông khởi kiện yêu cầu ông P bồi thường thiệt hại tài sản cho ông cụ thể là $90m^3$ gỗ keo $\times 1.700.000$ đồng/khối = 153.000.000 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu đồng).

Tại phiên tòa, ông H xác định ngoài 02 lần ông P khai thác cây có biên bản của cơ quan chức năng và 01 lần ông P lấy cây về làm nhà cho con thì các lần khai thác khác ông không có chứng cứ cụ thể. Vì vậy, ông không đề nghị ông P phải bồi thường số tiền 153 triệu theo đơn khởi kiện mà đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để buộc ông P, bà L phải bồi thường thiệt hại tài sản cho ông theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Phan Văn P trình bày:

Ngày 27/4/1999, ông trực tiếp chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H một diện tích đất vườn của gia đình ông tại thôn 5 Thuộc Hạ, xã Tân Thành, huyện Hàm Yên với giá 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng), khi đó các bên có viết giấy chuyển nhượng. Ngày 09/6/2003, ông H đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này cho ông Hoàng Văn N và ông Hoàng Minh S. Việc các bên chuyển nhượng cụ thể như thế nào ông không biết. Năm 2005, ông N và ông S nhờ bỏ toàn bộ cây cam đã trồng trên đất để trồng keo. Ông H trực tiếp sang bảo ông đi đòi lại một phần đất ông H đã chuyển nhượng trước đó cho ông Nam và ông Sơn, ông Nam và ông Sơn nhất trí trả lại một phần diện tích đất khoảng 700 - 800m² (diện tích đất này nằm trong tổng diện tích đất khoảng 4.000m² đến 5.000m² đất vườn ông đã chuyển nhượng cho ông H ngày 27/4/1999). Năm 2005, ông H với ông thỏa thuận bằng miệng với nhau về việc trồng keo chung và ăn chia sản phẩm. Ông H đầu tư cây giống, gia đình ông đầu tư phân bón và nhân công. Năm 2016, cây keo đã đến tuổi khai thác, lại bị mưa bão làm đổ nhiều cây nên ông H cùng con rể ông là Triệu Văn P đã cắt và bóc số cây keo bị gãy đi bán, ông H bán được 02 xe ô tô nhưng không chia cho ông đồng nào, cũng không trả tiền công cắt cưa và tiền công bóc vác cho con rể ông. Sau đó ông cũng 02 lần khai thác cây thì bị lập biên bản và 01 lần lấy 07 cây về làm nhà cho con gái và con rể là Phan Thị N và Triệu Văn P.

Tại phiên tòa, ông P xác định ông và ông H không có tranh chấp về quyền sử dụng đất, bản thân ông được 02 lần khai thác cây keo bị lập biên bản và có chặt 07 cây keo về làm nhà cho con, tuy nhiên ông không nhất trí bồi thường vì ông và ông H thỏa thuận cùng

chăm sóc, cùng chia nhau lợi nhuận nên ông H khai thác cây keo ông cũng có quyền khai thác và hưởng lợi như ông H. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P : Đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét và chỉ chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về số tài sản bị thiệt hại theo kết luận của Hội đồng định giá là 25.000.000 đồng, tuy nhiên ông P có công chăm sóc cây nên ông H phải thanh toán cho ông P tiền công là 5.000.000 đồng, ông P chỉ còn phải bồi thường cho ông H 20.000.000 đồng.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đặng Thị X khai: Bà là vợ ông Nguyễn Văn H, khi bà kết hôn với ông H thì đã thấy có đôi keo được khoảng vài năm tuổi. Sau đó, vợ chồng bà cùng chăm sóc đôi cây keo. Đến năm 2016, ông P đã nhiều lần tự ý khai thác cây keo mà không được sự đồng ý của vợ chồng bà. Quá trình giải quyết vụ án, bà có quan điểm là đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của ông H, buộc ông P phải bồi thường 153.000.000đ (Một trăm năm mươi ba triệu đồng). Tại phiên tòa, bà cũng nhất trí với đề nghị của ông H, đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu thu thập được để buộc vợ chồng ông P bồi thường thiệt hại tài sản cho ông H theo quy định của pháp luật, do ông H là chủ hộ gia đình nên mọi vấn đề về kinh tế do ông H quyết định, bà không có ý kiến gì.

Bà Phượng Thị L khai: Bà là vợ của ông Phan Văn P, bà xác định gia đình bà có được khai thác gỗ keo gồm 02 lần bị lập biên bản và 01 lần lấy cây về làm nhà cho con gái và con rể. Tuy nhiên, bà xác định ông P và ông H thỏa thuận cùng ăn chia đôi cây theo tỷ lệ 50/50 nên bà cũng không nhất trí với yêu cầu bồi thường của ông Nguyễn Văn H. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị Phan Thị N khai: Chị là con gái của ông Phan Văn P và bà Phượng Thị L . Khoảng giữa năm 2017, vợ chồng chị làm nhà ra ở riêng thì được bố để chị là ông Phan Văn P cho 07 cây gỗ keo để làm nhà. Chị không biết nguồn gốc số gỗ keo có từ đâu, cũng không biết việc tranh chấp giữa ông H và bố chị như thế nào. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Triệu Văn Pháy khai: Anh là chồng của chị Phan Thị N và là con rể của ông Phan Văn P, bà Phượng Thị L. Khoảng giữa năm 2017, vợ chồng anh làm nhà ra ở riêng thì được bố để chị N là ông Phan Văn P cho 07 cây gỗ keo để làm nhà. Anh không biết nguồn gốc số gỗ keo có từ đâu, cũng không biết việc tranh chấp giữa ông H và ông P như thế nào. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 26, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 586, 589 và 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, buộc ông Phan Văn P và bà Phượng Thị L phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông H theo kết quả định giá tài sản; ông P, bà L phải chịu án phí và chi phí thẩm định, định giá; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xác định quyền sở hữu tài sản đang tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự xác định diện tích đất có cây keo đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn H (do ông P đã chuyển nhượng cho ông H) và không có tranh chấp về quyền sử dụng đất. Bên cạnh đó, ông Phan Văn P không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh các bên có thỏa thuận về việc liên kết trồng rừng và ăn chia sản phẩm, do vậy tài sản được xác định thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn H.

[2] Về việc xác định tài sản bị thiệt hại và giá trị thiệt hại tài sản.

Ông Nguyễn Văn H xác định ngoài 02 lần ông P khai thác gỗ bị lập biên bản cùng 01 lần lấy 07 cây về làm nhà cho con thì ông không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh ông Phan Văn P khai thác keo, do vậy ông đề nghị HĐXX căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được để xác định số tài sản bị thiệt hại cho gia đình ông.

Với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì chỉ có căn cứ để xác định ngày 29/9/2016, ông P khai thác 25 cây keo (được thể hiện tại bảng kê kèm theo biên bản khám nghiệm hiện trường); ngày 10/5/2017 khai thác 48 đoạn gỗ keo (dài từ 2-3m, đường kính trung bình 18cm), 08 đoạn gỗ keo (dài từ 3 - 4m, đường kính trung bình 22cm), 10 tấm ván gỗ (05 tấm dài 07m, 05 tấm dài 04m, rộng 25cm, dày 04cm) được thể hiện tại biên bản xác minh ngày 10/5/2017. Ngoài ra, ông P còn thừa nhận 01 lần khai thác 07 cây keo về làm nhà cho con gái, lời khai này phù hợp với lời khai của bà L, chị N và anh P (là vợ con của ông P).

Số tài sản trên được Hội đồng định giá quy đổi ra khối lượng gỗ và tính theo đơn giá thị trường là 25.653.875đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

[3] Về việc xem xét yêu cầu của Nguyên đơn và quan điểm của Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn H yêu cầu ông Phan Văn P bồi thường 90m³ gỗ bằng 153.000.000đ (Một trăm năm mươi ba triệu đồng), tuy nhiên tại phiên tòa ông H chỉ đề nghị HĐXX xác định thiệt hại theo chứng cứ, tài liệu thu thập được, vì vậy tổng số tài sản bị thiệt hại quy ra thành tiền là 25.653.875đ. Ông Phan Văn P và bà Phượng Thị L là vợ chồng, cùng sử dụng số tài sản đã lấy của ông Nguyễn Văn H, do đó ông P và bà L phải có trách nhiệm bồi thường cho ông H khoản tiền trên. Đối với số cây keo ông P khai thác hiện đã sử dụng làm nhà cho chị Nga và anh Pháy, do ông P là người trực tiếp xâm phạm đến tài sản của ông H nên vợ chồng ông P phải có trách nhiệm bồi thường và giành quyền khởi kiện cho ông P, bà L đối với yêu cầu đòi lại tài sản đã phải bồi thường thay cho chị N, anh P.

Ông Phan Văn P đề nghị ông Nguyễn Văn H phải thanh toán cho ông khoản tiền công chăm sóc đôi cây là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông P đề nghị ông H thanh toán khoản tiền công chăm sóc đôi cây cho ông P là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Tuy nhiên, ông P không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để xác định ông H thuê ông P trông coi và chăm sóc đôi keo cụ thể như thế nào, ông H thừa nhận có việc nhờ ông P trông coi đôi keo, khi nào được khai thác sẽ trả công. Xong các bên không xác định rõ mức chi trả, phương thức thanh toán...do vậy cũng cần tách yêu cầu này và giành quyền khởi kiện cho ông Phan Văn P trong vụ án khác.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Ông Phan Văn P và bà Phượng Thị L phải chịu án phí đối với khoản tiền phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn H. Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

- Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, do các đương sự không thỏa thuận được với nhau, Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H đề nghị Tòa án xem xét thẩm định, định giá tài sản tranh chấp và đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định, định giá. Số tiền đã chi phí cho việc thẩm định, định giá là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng). Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn H được chấp nhận nên ông Phan Văn P và bà Phượng Thị L phải chịu chi phí thẩm định, định giá và có trách nhiệm thanh toán khoản tiền chi phí thẩm định, định giá cho ông Nguyễn Văn H là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 586, 589 và 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” của ông Nguyễn Văn H đối với ông Phan Văn P .

- Buộc ông Phan Văn P và bà Phượng Thị L có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông Nguyễn Văn H với tổng số tiền là 25.653.875đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng), chia ra mỗi người phải bồi thường là 12.826.937đ (Mười hai triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng).

- Ông Phan Văn P và bà Phượng Thị L phải thanh toán khoản tiền chi phí thẩm định, định giá cho ông Nguyễn Văn H là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), chia ra mỗi người phải thanh toán số tiền là 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Khoản tiền phải thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Văn P và bà Phượng Thị L chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Giành quyền khởi kiện cho ông Phan Văn P và bà Phượng Thị L đối với ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu thanh toán khoản tiền công chăm sóc đôi cây theo thủ tục tố tụng dân sự khi có đủ yêu cầu khởi kiện và giành quyền khởi kiện cho ông P, bà Phượng Thị

L đối với anh Triệu Văn P, chị Phan Thị N về việc đòi lại tài sản đã phải bồi thường thay là 07 cây keo.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.825.000đ (Ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên Phụng Thị L số 0003834, ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên.

- Ông Phan Văn P và bà Phụng Thị L phải chịu 1.282.600đ (Một triệu hai trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chia ra mỗi người phải nộp số tiền là 641.300đ (Sáu trăm bốn mươi một nghìn ba trăm đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- T.H.A dân sự huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Tuyết Mai

